

Bản án số: 39/2026/HSST
Ngày 29/6/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - LÀO CAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm tại điểm cầu trung tâm, gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Minh Huân và ông Sùng A Cờ.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Má A Trư - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lào Cai: Ông Trần Duy Khoái - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2026, tại điểm cầu trung tâm - Phòng xét xử trực tuyến trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lào Cai, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2026/HSST ngày 12 tháng 5 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2026/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2026.

Tại điểm cầu thành phần: Phòng trực tuyến Trại tạm giam số 1, Công an tỉnh Lào Cai, đối với bị cáo:

- Họ và tên: Nguyễn Đình T; Giới tính: Nam; Tên gọi khác Không; Sinh ngày 10 tháng 01 năm 19xx, tại phường B, thành phố Hải Phòng; Căn cước công dân 031092008xxx; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố Ch, phường B, thành phố Hải Phòng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 09/12; Nghề nghiệp: Tự do; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tại Bản án số 314/2009/HSST ngày 30 tháng 10 năm 2009 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, xử phạt 09 tháng tù giam về tội “*Trộm cắp tài sản*”; Tại Bản án số 186/2011/HSST ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, xử phạt 06 năm 06 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”; Tại Bản án số 111/2019/HSST ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, xử phạt 42 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; Con ông Nguyễn Đình T, sinh năm 19xx và bà Lê Thị T (Đã chết); Bị cáo có vợ con là Nguyễn Thị L, sinh năm 19xx và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 20xx, con nhỏ nhất sinh năm 20xx. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20 tháng 02 năm 2026. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam số 1, Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lào Cai hỗ trợ.

Các đồng chí cán bộ chiến sĩ lực lượng hỗ trợ tư pháp - Trại tạm giam số 1, Công an tỉnh Lào Cai.

Tại điểm cầu trung tâm:

Bị hại: Ông Cù Quốc H, sinh năm 19xx.

Căn cước công dân số 025071013xxx cấp ngày 10 tháng 5 năm 20xx.

Địa chỉ: Thôn T, xã A, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng tháng 9 năm 2025, Nguyễn Đình T thông qua mạng xã hội TIKTOK kết bạn và có quan hệ tình cảm với bà Trần Thị Ng. Ngày 14 tháng 02 năm 20xx, Nguyễn Đình T đi xe khách đi từ thành phố Hải Phòng đến cửa khẩu K, phường L, tỉnh Lào Cai thì bà Trần Thị Ng ra đón, sau đó cả hai cùng đi lên nhà hàng L của gia đình Trần Thị Ng, thuộc thôn T, xã A, tỉnh Lào Cai. Tại đây, Nguyễn Đình T được bà Trần Thị Ng sắp xếp cho một phòng nghỉ và ở đó một mình. Đến khoảng 22 giờ 20 phút, ngày 19 tháng 02 năm 20xx, Nguyễn Đình T nghe thấy tiếng động phía sau phòng nghỉ, nên đi ra kiểm tra thì gặp ông Cù Quốc H, Nguyễn Đình T hỏi *"Chú là ai mà chú lại vào đây, chú vào đây buổi tối để làm gì?"*, ông Cù Quốc H trả lời *"Tao đi thăm mấy cái bẫy chuột"*, Nguyễn Đình T tiếp tục nói *"Chú đi thăm bẫy chuột thì cứ đi vào nhà nói chuyện chứ có làm sao đâu"*, ông Cù Quốc H không nói gì, rồi đi thẳng ra phía cổng thì Nguyễn Đình T đi theo ngay phía sau, dùng tay phải kéo ông Cù Quốc H lại để vào nhà nói chuyện. Ông Cù Quốc H quay lại tay phải đâm 01 phát vào mang tai bên trái của Nguyễn Đình T và nói *"Tao đã bảo không vào rồi, mày cứ bảo tao vào làm gì"*. Nguyễn Đình T chạy đến đóng cửa phía trước khu phòng ở, cách đó 10m lấy 01 tuýp sắt, hình trụ tròn dài 78cm, đường kính 03cm cầm ở tay phải và đuổi theo ông Cù Quốc H. Thấy Nguyễn Đình T đuổi theo nên ông Cù Quốc H cúi xuống nhặt 01 nắm cát, đá ném về phía Nguyễn Đình T nhưng không trúng, Nguyễn Đình T chạy đến nơi, tay phải cầm tuýp sắt giơ ngang về phía sau rồi dùng lực vụt ngang từ sau ra trước 01 phát, làm phần đầu tuýp sắt trúng vào vùng trán bên phải của ông Cù Quốc H. Nguyễn Đình T tiếp tục dùng tuýp sắt giơ ngang về phía sau và vụt ngang từ sau ra trước, làm phần đầu tuýp sắt trúng vào vùng trán bên trái của ông Cù Quốc H. Nguyễn Đình T tiếp tục dùng tay phải giơ tuýp sắt lên ngang vai và vụt liên tiếp 02 phát vào đùi phía sau bên trái và bên phải của ông Cù Quốc H. Hậu quả ông Cù Quốc H bị thương tại cung mày trái kích thước 03 x 01cm và vùng trán phải bị trầy xước, rách da kích thước 04 x 03cm; 02 vết bầm tím tại đùi sau chân trái và chân phải. Đến sáng ngày 20 tháng 02 năm 2026, Nguyễn Đình T đến Công an xã A Mù Sung đầu thú và giao nộp 01 tuýp sắt đã dùng để đánh ông Cù Quốc H.

Tại Kết luận giám định số 19/KLTTCT-TTPYCS2 ngày 24 tháng 02 năm 2026 của Trung tâm pháp y tỉnh Lào Cai kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Cù Quốc H tại thời điểm giám định là 5%; Cơ chế và vật gây thương tích: Chấn thương trực tiếp do vật tày.

Tại kết luận giám định số 160/26/KLGDADN-PYQG ngày 03 tháng 3 năm 2026 của Viện pháp y quốc gia kết luận: Dữ liệu ADN thu từ mẫu ký hiệu A1 (01) tuýp sắt dài 78cm, đường kính 03cm); Mẫu ký hiệu A2 (mẫu thu giữ tại hiện trường) là vết máu người, trùng khớp với ADN của Cù Quốc H (ký hiệu A3) trên tất cả các locus STR đã so sánh.

Tại bản cáo trạng số 12/CT- VKSCI-KV ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lào Cai, truy tố bị cáo Nguyễn Đình T, về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng khoản a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 (một) tuýp sắt dài 78cm, đường kính 03cm được niêm phong trong 01 (một) ống nhựa.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 590 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Đình T phải bồi thường cho ông Cù Quốc H số tiền là 12.900.000 đồng theo quy định pháp luật.

Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo, người bị hại.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai, Công an xã A Mú Sung, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Nguyễn Đình T tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường, Tại Bản kết luận giám định số 19/KLTTCT-TTPYCS2 ngày 24 tháng 02 năm 2026 của Trung tâm pháp y tỉnh Lào Cai kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Cù Quốc H.

Căn cứ vào lời khai của bị cáo, lời khai của người bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có căn cứ xác định khoảng 22 giờ 20 phút, ngày 19 tháng 02 năm 2026, tại thôn Tung Qua, xã A Mú Sung, tỉnh Lào Cai do mâu thuẫn cá nhân, nên ông Cù Quốc H dùng tay phải đâm 01 phát vào mang tai bên trái của Nguyễn Đình T. Do bị đánh, Nguyễn Đình T lấy 01 tuýp sắt, hình trụ tròn dài 78cm, đường kính 03cm tay phải cầm tuýp sắt giơ ngang về phía sau rồi dùng lực vụt ngang từ sau ra trước 01 phát, làm phần đầu tuýp sắt

trúng vào vùng trán bên phải và 01 phát đầu tuýp sắt trúng vào vùng trán bên trái của ông Cù Quốc H. Nguyễn Đình T tiếp tục dùng tay phải cầm giờ tuýp sắt lên ngang vai và vụt liên tiếp 02 phát vào đùi phía sau bên trái và bên phải của ông Cù Quốc H. Hậu quả: Ông Cù Quốc H bị thương tại cung mày trái kích thước 03 x 01cm và vùng trán phải bị trầy xước, rách da kích thước 04 x 03cm; 02 vết bầm tím tại đùi sau chân trái và chân phải, bị tổn thương cơ thể là 5% sức khỏe. Hành vi của bị cáo sử dụng ống Tuýp sắt là hung khí nguy hiểm đánh gây thương tích cho ông Cù Quốc H. Như vậy, có căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Đình T phạm vào tội "*Cố ý gây thương tích*" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự, như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là phù hợp có căn cứ.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Đình T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Hội đồng xét xử xét thấy quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú. Nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về áp dụng hình phạt: Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức, biết hành vi gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng hành động thiếu suy nghĩ trong điều chỉnh hành vi gây thương tích cho ông Cù Quốc H, điều đó thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo đã nhiều lần bị kết án và phải chấp hành hình phạt tù, nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà tiếp tục phạm tội. Điều này cho thấy bị cáo không có ý thức chấp hành pháp luật và khó có khả năng tự cải tạo ngoài xã hội. Do đó, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo khỏi xã hội trong một thời gian tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

Về hình phạt bổ sung, xét thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có tài sản và không có khả năng thi hành hình phạt tiền, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Như vậy, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt mức án đối với bị cáo Nguyễn Đình T là có căn cứ phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Cù Quốc H yêu cầu bị cáo bồi thường tiền thăm khám, chi phí điều trị và tổn thất về tinh thần, số tiền là 12.900.000 đồng, bị cáo nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy ông Cù Quốc H yêu cầu mức bồi thường thiệt hại là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[7] Về vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ 01 tuýp sắt dài 78cm, đường kính 03cm được niêm phong trong 01 ống nhựa. Hội đồng xét xử xét thấy đây là vật chứng do bị cáo sử dụng công cụ phạm tội và vật không có giá trị sử dụng, xét thấy cần tịch thu tiêu hủy theo quy định.

[8] Hội đồng xét xử xét thấy Nguyễn Đình T khai ngày 14 tháng 02 năm 2026 đã sử dụng ma túy. Tiến hành xét nghiệm chất ma túy, kết quả trong cơ thể đối với Nguyễn Đình T dương tính với ma túy loại Methamphetamine. Tuy nhiên, bị cáo không tham gia điều trị nghiện ma túy bằng thuốc thay thế, không là đối tượng quản lý sau cai nghiện bắt buộc, do đó hành vi "*Sử dụng trái phép chất ma túy*" chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Công an xã A Mú Sung đã ra Quyết định xử phạt Nguyễn Đình T số tiền là 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Đình T có quan hệ tình cảm nam nữ với bà Trần Thị Ng mặc dù biết bà Trần Thị Ng đang có chồng. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ xử lý đối với Nguyễn Đình T về tội "*Vi phạm chế độ một vợ, một chồng*" quy định tại Điều 182 Bộ luật hình sự, do đó không đề cập xử lý.

Ông Cù Quốc H có hành vi tay phải đâm 01 phát vào mang tai bên trái của Nguyễn Đình T nhưng không bị thương tích gì, chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Công an xã A Mú Sung đã Quyết định xử phạt ông Cù Quốc H số tiền là 7.000.000 đồng là đúng quy định pháp luật.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình T phạm tội "*Cố ý gây thương tích*", xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 10 (mười) tháng tù. Thời gian chấp hành án tính từ ngày 20 tháng 02 năm 2026.

Về vật chứng: Căn cứ khoản a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 (một) tuýp sắt dài 78cm, đường kính 03cm được niêm phong trong 01 (một) ống nhựa, bên ngoài có dán dòng chữ V160A1-26 "*Vật chứng thu giữ trong vụ Cố ý gây thương tích xảy ra tại thôn Tùng Sáng, xã A, tỉnh Lào Cai ngày 19/02/2026*".

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 590 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Đình T phải bồi thường cho ông Cù Quốc H số tiền là 12.900.000 đồng (mười hai triệu chín trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền bồi thường phải thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng người phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án, tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự

Về án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Đình T phải chịu số tiền là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và số tiền 645.000 đồng (sáu trăm bốn mươi năm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 7 - Lào Cai.
- PV 06 Công an tỉnh; CQTHAHS, Công an tỉnh Lào Cai;
- CQCSĐT Công an tỉnh Lào Cai;
- Trại giam số 1, Công an tỉnh Lào Cai;
- Bị cáo; Công an xã A Mú Sung;
- Phòng THADS KV7 - Lào Cai;
- Lưu Hồ sơ vụ án, HSTHA, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thái Hà